

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2024
“V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly
hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Điệp.

2. Bà Nguyễn Thị Phượng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Kim Xoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 540/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Phạm Thị Ngọc T**, sinh ngày 25/4/2003.

Hộ khẩu thường trú: **Tổ H, ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.**

Chỗ ở hiện nay: **Tổ A, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.**

Bị đơn: **Đặng Ngọc V**, sinh ngày 29/4/1999.

Hộ khẩu thường trú: **Tổ H, ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.**

Chỗ ở hiện nay: **Ấp G, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.**

(Chị **T** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **V** vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Phạm Thị Ngọc T** trình bày:

- Về hôn nhân: Chị **Phạm Thị Ngọc T** và anh **Đặng Ngọc V** chung sống

với nhau vào năm 2021, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C ngày 16/12/2021.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị T xảy ra mâu thuẫn với gia đình chồng không tiến hòa giải được. Chị T đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Vợ chồng không còn chung sống từ tháng 4/2023 cho đến nay. Nay chị Phạm Thị Ngọc T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Đặng Ngọc V.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Ngọc Bảo C, sinh ngày 09/6/2021. Tháng 4/2023 chị T đưa con về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Trong thời gian chị T và bé C về nhà cha mẹ ruột của chị T sinh sống thì anh V có rước bé C về nhà ông bà nội chơi và giữ bé cho đến nay. Nhiều lần chị T đến thăm con thì gia đình anh V gây khó dễ và không cho chị T rước con về nhà ngoại chơi.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau: Trích lục kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh Đặng Ngọc Bảo C (bản sao).

Các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 06/12/2023 và đã thông báo cho đương sự vắng mặt được biết. Không có ai phản bác các tài liệu chứng cứ được công khai trong phiên họp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Chị Phạm Thị Ngọc T có đơn yêu cầu ly hôn với anh Đặng Ngọc V. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Bị đơn anh Đặng Ngọc V đang cư trú tại tổ A, ấp G, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Anh Đặng Ngọc V được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Chị Phạm Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **T** và anh **V**.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phạm Thị Ngọc T** và anh **Đặng Ngọc V** tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **P**, huyện **C** ngày 16/12/2021 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung, không xây dựng được hạnh phúc, chị **T** yêu cầu ly hôn; Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung sống, chị **T** và anh **V** phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng với nhau về quan điểm sống, chị **T** xảy ra mâu thuẫn với gia đình chồng không tiến hòa giải được. Chị **T** đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, không thuyết phục nhau tiếp tục sống chung để xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng không còn chung sống từ tháng 4/2023 cho đến nay.

Đối với bị đơn là anh **V** đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tài liệu chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, cũng không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị **T** và anh **V** đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị **T**.

[5] Về nuôi con: Chị **T** trình bày trong thời gian chung sống với anh **V** có 01 con chung tên **Đặng Ngọc Bảo C**, sinh ngày 09/6/2021. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên tháng 4/2023 chị **V** đưa con về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Trong thời gian chị **T** và bé **C** về nhà cha mẹ ruột của chị **T** sinh sống thì anh **V** có rước bé **C** về nhà ông bà nội chơi và giữ bé cho đến nay. Nhiều lần chị **T** đến thăm con thì gia đình anh **V** gây khó dễ và không cho chị **T** rước con về nhà ngoại chơi. Tuy nhiên, việc gia đình anh **V** gây khó dễ và không cho chị **T** rước con về nhà ngoại chơi thì chị **T** không có chứng cứ chứng minh. Khi ly hôn, chị **T** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy: Hiện nay, chị **T** có công việc làm và thu nhập ổn định, đồng thời cháu **Bảo C** dưới 36 tháng tuổi. Do đó, chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn là phù hợp về quyền lợi mọi mặt quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh **V** không trực tiếp nuôi con chung nên có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, nên có quyền yêu cầu anh **V** cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Đối với bị đơn anh **V** không có văn bản ý kiến, không có mặt tại phiên tòa

trình bày ý kiến về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét không ghi nhận được ý kiến của anh **V** về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị **T** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Chị **T** trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị **T** phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị **T** đã nộp theo biên lai thu số 0004602 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị **Phạm Thị Ngọc T**.

1.1. Về hôn nhân: Chị **Phạm Thị Ngọc T** được ly hôn với anh **Đặng Ngọc V**.

1.2. Về nuôi con và cấp dưỡng: Chị **Phạm Thị Ngọc T** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên **Đặng Ngọc Bảo C**, sinh ngày 09/6/2021. Anh **Đặng Ngọc V** không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị **Phạm Thị Ngọc T** không yêu cầu.

Anh **Đặng Ngọc V** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được quyền cản trở.

1.3. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị **Phạm Thị Ngọc T** không yêu cầu giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Chị **Phạm Thị Ngọc T** trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Phạm Thị Ngọc T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004602 ngày 19/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- CC THADS huyện Cao Lãnh;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã P;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Trà